

Họ và tên:.....

Lớp:.....

Đề 01

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm). Hãy khoanh tròn vào một trong các chữ A, B, C, D trước phương án trả lời đúng:

Câu 1: Đâu là nội dung trong bước đề xuất vấn đề cần tìm hiểu?

- A. Thảo luận và trình bày báo cáo. B. Quan sát và đặt câu hỏi cho vấn đề nảy sinh.
C. Dự đoán vấn đề. D. Thực nghiệm, điều tra

Câu 2: Đâu là nội dung trong bước lập kế hoạch kiểm tra dự đoán?

- A. Lựa chọn được phương pháp, kĩ năng thích hợp. B. Đặt câu hỏi cho vấn đề nảy sinh.
C. Dự đoán vấn đề cần tìm hiểu. D. Thực nghiệm, điều tra vấn đề.

Câu 3: Khẳng định nào là ý đúng trong khái niệm về phương pháp tìm hiểu tự nhiên?

- A. Là cách thức tìm hiểu các sự vật hiện tượng trong tự nhiên và đời sống.
B. Dự đoán nhằm trả lời câu hỏi đã nêu
C. Lựa chọn được phương pháp, kĩ thuật, kĩ năng thích hợp.
D. Thường được sử dụng trong bước dự đoán của phương pháp tìm hiểu tự nhiên.

Câu 4: Phương pháp tìm hiểu tự nhiên gồm mấy bước?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 5: Sử dụng một hoặc nhiều giác quan để thu thập thông tin là kĩ năng nào?

- A. Kĩ năng quan sát, phân loại B. Kĩ năng đo.
C. Kĩ năng liên kết tri thức D. Kĩ năng dự báo

Câu 6: Khối lượng của nguyên tử Carbon theo đơn vị quốc tế amu là bao nhiêu?

- A. 11. B. 12. C. 13. D. 14.

Câu 7: Khối lượng của nguyên tử Oxygen theo đơn vị quốc tế amu là bao nhiêu?

- A. 13. B. 14. C. 15. D. 16.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** mô tả đúng mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr?

- A. Nguyên tử có cấu tạo đặc khít, gồm hạt nhân nguyên tử và các electron.
B. Nguyên tử có cấu tạo rỗng, gồm hạt nhân ở tâm nguyên tử và các electron ở vỏ nguyên tử.
C. Electron chuyển động xung quanh hạt nhân theo những quỹ đạo xác định tạo thành các lớp electron.
D. Hạt nhân nguyên tử mang điện tích dương, electron mang điện tích âm

Câu 9: Chuyển hóa năng lượng là:

- A. sự biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác.
B. quá trình sinh trưởng của sinh vật.
C. sự biến đổi các chất dinh dưỡng.
D. quá trình cảm ứng và vận động của sinh vật

Câu 10: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng có vai trò quan trọng đối với:

- A. Sự chuyển hóa của sinh vật. B. Sự trao đổi năng lượng.
C. Sự biến đổi các chất. D. Sự sống của sinh vật.

Câu 11: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng giúp cơ thể thải ra các chất:

- A. Carbon dioxide, thức ăn. B. Carbon dioxide, năng lượng nhiệt, chất thải.
C. Carbon dioxide, oxygen. D. Carbon dioxide, ATP.

Câu 12: Sinh vật có thể tồn tại, sinh trưởng và phát triển là nhờ quá trình nào?

- A. Quá trình sinh sản. B. Quá trình cảm ứng.
C. Quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng. D. Quá trình vận động.

Câu 13: Đâu là nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp?

- A. Carbon dioxide, khí oxygen. B. Carbon dioxide, nhiệt năng, chất thải.
C. Ánh sáng, khí carbon dioxide, nước và nhiệt độ D. Khí oxygen, ATP.

Câu 14: Đâu là nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp?

- A. Nhiệt độ, độ ẩm và nước, hàm lượng khí carbon dioxide, hàm lượng khí oxygen.
B. Nhiệt độ, ánh sáng.

- C. Nước, hàm lượng diệp lục.
D. Gió, mưa, nhiệt độ.

Câu 15: Trong quang hợp, nếu nồng độ khí nào quá cao sẽ làm cho cây chết vì ngộ độc?

- A. Oxygen.
B. Oxygen và Carbon dioxide
C. Oxygen và Methane.
D. Carbon dioxide

Câu 16: Cấu tạo trong của lá phù hợp với chức năng quang hợp:

- A. Có nhiều nước, có khả năng hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng.
B. Có nhiều lục lạp chứa diệp lục, có khả năng hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng.
C. Có nhiều lỗ khí, có khả năng hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng.
D. Có nhiều gân xen kẽ nhau, có khả năng hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng.

Câu 17: Tốc độ của vật là

- A. quãng đường vật đi được trong 1s.
B. thời gian vật đi hết quãng đường 1m.
C. quãng đường vật đi được.
D. thời gian vật đi hết quãng đường.

Câu 18: Một vật chuyển động càng nhanh khi

- A. quãng đường đi được càng lớn.
B. thời gian chuyển động càng ngắn.
C. tốc độ chuyển động càng lớn.
D. quãng đường đi trong 1s càng ngắn.

Câu 19: Để xác định tốc độ của một vật đang chuyển động, ta cần biết những đại lượng nào?

- A. Thời gian và vật chuyển động
B. Thời gian chuyển động của vật và vạch xuất phát
C. Thời gian chuyển động của vật và vạch đích
D. Thời gian chuyển động của vật và quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian đó.

Câu 20: Trong phòng thí nghiệm, người ta thường sử dụng những dụng cụ đo nào để đo tốc độ của các vật chuyển động nhanh và có kích thước nhỏ?

- A. Thước, cổng quang điện và đồng hồ bấm giây.
B. Thước, đồng hồ đo thời gian hiện số kết nối với cổng quang điện.
C. Thước và đồng hồ đo thời gian hiện số.
D. Cổng quang điện và đồng hồ bấm giây.

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm):

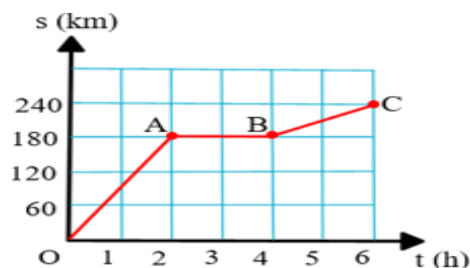
Câu 21(1,0 điểm): Viết sơ đồ quá trình quang hợp ở cây xanh.

Câu 22(0,5 điểm): Trình bày quan điểm của Rutherford – Bohr về mô hình nguyên tử.

Câu 23.(2,0 điểm): Cá nuôi trong bể kính và để trong nhà. Người nuôi thường trồng thêm một số cây thủy sinh như Cây Rong đuôi chó, Cây Rau mác,...và kết hợp chiếu sáng bằng đèn điện trong bể. Vậy việc trồng cây thủy sinh có tác dụng gì? Em hãy giải thích ý nghĩa thực tiễn của việc làm trên.

Câu 24.(0,5 điểm): Hãy mô tả sơ lược cách đo tốc độ chuyển động của một xe ô tô đang đi trên đường bằng thiết bị "bắn tốc độ".

Câu 25.(1,0 điểm): Hình bên là đồ thị quãng đường - thời gian của một ô tô chuyển động. Xác định tốc độ chuyển động của ô tô trên đoạn OA



-----HẾT-----

Họ và tên:.....

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Lớp:.....

Đề 02

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm). Hãy khoanh tròn vào một trong các chữ A, B, C, D trước phương án trả lời đúng:

Câu 1: Sử dụng một hoặc nhiều giác quan để thu thập thông tin là kỹ năng nào? T.H

- A. Kỹ năng quan sát, phân loại
B. Kỹ năng đo.
C. Kỹ năng liên kết tri thức
D. Kỹ năng dự báo

Câu 2: Khối lượng của nguyên tử Carbon theo đơn vị quốc tế amu là bao nhiêu? NB

- A. 11. B. 12. C. 13. D. 14.

Câu 3: Khối lượng của nguyên tử Oxygen theo đơn vị quốc tế amu là bao nhiêu? NB

- A. 13. B. 14. C. 15. D. 16.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây không mô tả đúng mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr? T.H

- A. Nguyên tử có cấu tạo đặc khít, gồm hạt nhân nguyên tử và các electron.
B. Nguyên tử có cấu tạo rỗng, gồm hạt nhân ở tâm nguyên tử và các electron ở vỏ nguyên tử.
C. Electron chuyển động xung quanh hạt nhân theo những quỹ đạo xác định tạo thành các lớp electron.
D. Hạt nhân nguyên tử mang điện tích dương, electron mang điện tích âm

Câu 5: Đầu là nội dung trong bước đề xuất vấn đề cần tìm hiểu? NB

- A. Thảo luận và trình bày báo cáo. B. Quan sát và đặt câu hỏi cho vấn đề nảy sinh.
C. Dự đoán vấn đề. D. Thực nghiệm, điều tra

Câu 6: Đầu là nội dung trong bước lập kế hoạch kiểm tra dự đoán? NB

- A. Lựa chọn được phương pháp, kỹ năng thích hợp. B. Đặt câu hỏi cho vấn đề nảy sinh.
C. Dự đoán vấn đề cần tìm hiểu. D. Thực nghiệm, điều tra vấn đề.

Câu 7: Khẳng định nào là ý đúng trong khái niệm về phương pháp tìm hiểu tự nhiên? NB

- A. Là cách thức tìm hiểu các sự vật hiện tượng trong tự nhiên và đời sống.
B. Dự đoán nhằm trả lời câu hỏi đã nêu
C. Lựa chọn được phương pháp, kỹ thuật, kỹ năng thích hợp.
D. Thường được sử dụng trong bước dự đoán của phương pháp tìm hiểu tự nhiên.

Câu 8: Phương pháp tìm hiểu tự nhiên gồm mấy bước? NB

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 9: Đầu là nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp? NB

- A. Carbon dioxide, khí oxygen. B. Carbon dioxide, nhiệt năng, chất thải.
C. Ánh sáng, khí carbon dioxide, nước và nhiệt độ D. Khí oxygen, ATP.

Câu 10: Đầu là nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp? NB

- A. Nhiệt độ, độ ẩm và nước, hàm lượng khí carbon dioxide, hàm lượng khí oxygen.
B. Nhiệt độ, ánh sáng.
C. Nước, hàm lượng diệp lục.
D. Gió, mưa, nhiệt độ.

Câu 11: Trong quang hợp, nếu nồng độ khí nào quá cao sẽ làm cho cây chết vì ngộ độc? NB

- A. Oxygen.
B. Oxygen và Carbon dioxide
C. Oxygen và Methane.
D. Carbon dioxide

Câu 12: Cấu tạo trong của lá phù hợp với chức năng quang hợp: T.H

- A. Có nhiều nước, có khả năng hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng.
B. Có nhiều lục lạp chứa diệp lục, có khả năng hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng.
C. Có nhiều lỗ khí, có khả năng hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng.
D. Có nhiều gân xen kẽ nhau, có khả năng hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng.

Câu 13: Chuyển hóa năng lượng là: NB

- A. sự biến đổi năng lượng từ dạng này sang dạng khác.
B. quá trình sinh trưởng của sinh vật.
C. sự biến đổi các chất dinh dưỡng.
D. quá trình cảm ứng và vận động của sinh vật

Đề này có 24 câu, 02 trang

(Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

Câu 14: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng có vai trò quan trọng đối với: NB

- A. Sự chuyển hóa của sinh vật. B. Sự trao đổi năng lượng.
C. Sự biến đổi các chất. D. Sự sống của sinh vật.

Câu 15: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng giúp cơ thể thải ra các chất: NB

- A. Carbon dioxide, thức ăn. B. Carbon dioxide, năng lượng nhiệt, chất thải.
C. Carbon dioxide, oxygen. D. Carbon dioxide, ATP.

Câu 16: Sinh vật có thể tồn tại, sinh trưởng và phát triển là nhờ quá trình nào? NB

- A. Quá trình sinh sản. B. Quá trình cảm ứng.
C. Quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng. D. Quá trình vận động.

Câu 17: Một vật chuyển động càng nhanh khi

- A. quãng đường đi được càng lớn. B. thời gian chuyển động càng ngắn.
C. tốc độ chuyển động càng lớn. D. quãng đường đi trong 1s càng ngắn.

Câu 18: Tốc độ của vật là

- A. quãng đường vật đi được trong 1s. B. thời gian vật đi hết quãng đường 1m.
C. quãng đường vật đi được. D. thời gian vật đi hết quãng đường.

Câu 19: Trong phòng thí nghiệm, người ta thường sử dụng những dụng cụ đo nào để đo tốc độ của các vật chuyển động nhanh và có kích thước nhỏ?

- A. Thước, công quang điện và đồng hồ bấm giây.
B. Thước, đồng hồ đo thời gian hiện số kết nối với công quang điện.
C. Thước và đồng hồ đo thời gian hiện số.
D. Công quang điện và đồng hồ bấm giây.

Câu 20: Để xác định tốc độ của một vật đang chuyển động, ta cần biết những đại lượng nào?

- A. Thời gian và vật chuyển động
B. Thời gian chuyển động của vật và vạch xuất phát
C. Thời gian chuyển động của vật và vạch đích
D. Thời gian chuyển động của vật và quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian đó.

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm):

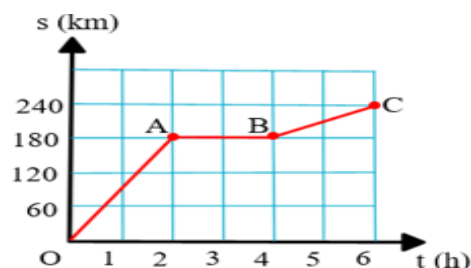
Câu 21(1,0 điểm): Viết sơ đồ quá trình quang hợp ở cây xanh.

Câu 22(0,5 điểm): Trình bày quan điểm của Rutherford – Bohr về mô hình nguyên tử.

Câu 23.(2,0 điểm): Cá nuôi trong bể kính và để trong nhà. Người nuôi thường trồng thêm một số cây thủy sinh như Cây Rong đuôi chó, Cây Rau mác,...và kết hợp chiếu sáng bằng đèn điện trong bể. Vậy việc trồng cây thủy sinh có tác dụng gì? Em hãy giải thích ý nghĩa thực tiễn của việc làm trên.

Câu 24.(0,5 điểm): Hãy mô tả sơ lược cách đo tốc độ chuyển động của một xe ô tô đang đi trên đường bằng thiết bị "bắn tốc độ".

Câu 25.(1,0 điểm): Hình bên là đồ thị quãng đường - thời gian của một ô tô chuyển động. Xác định tốc độ chuyển động của ô tô trên đoạn OA



-----HẾT-----

UBND THÀNH PHỐ KON TUM
TRƯỜNG TH & THCS VINH QUANG

**ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 7
NĂM HỌC: 2024 – 2025**

I. HƯỚNG DẪN CHẤM:

Điểm toàn bài là tổng của các điểm thành phần và được làm tròn như sau:

Ví dụ: 5,25 điểm thành 5,3 điểm.

5,75 điểm thành 5,8 điểm.

1. Phần trắc nghiệm:

Từ câu 1 đến câu 20: HS khoanh đúng mỗi câu sẽ đạt 0,25 điểm.

2. Phần tự luận:

- Câu 21: Học sinh viết phương trình tới đâu, GV cân đối cho điểm tới đó. Nhưng nếu sai thông tin ở bất kì vị trí nào thì không ghi điểm.

- Câu 22: GV chấm và ghi điểm cho HS theo biểu điểm.

- Câu 23: HS giải thích theo ý khác, nhưng hợp lí vẫn ghi điểm tối đa theo biểu điểm.

- Câu 25: HS không ghi đơn vị trừ 0,25 điểm.

II. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM:

1. Trắc nghiệm: (5,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án (Đề 1)	B	A	A	D	A	B	D	A	A	D	B	C	C	A	B	B	A	C	D	B
Đáp án (Đề 2)	A	B	D	A	B	A	A	D	C	A	D	B	A	D	B	C	C	A	B	D

2. Tự luận: (5,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Điểm
Câu 21 (1,0 điểm)	Sơ đồ quang hợp ở cây xanh: Ánh sáng Nước + Khí Carbon dioxide $\xrightarrow{\text{Diệp lục}}$ Glucose + Khí Oxygen	1,0
Câu 22 (0,5 điểm)	Quan điểm của Rutherford – Bohr về mô hình nguyên tử. - Nguyên tử có cấu tạo rỗng, - Có hạt nhân ở tâm mang điện tích dương và electron mang điện tích âm, chuyển động xung quanh hạt nhân.	0,25 0,25
Câu 23 (2,0 điểm)	Các loài cây như: cây lưỡi hổ, cây hoa lan,... được trồng trong hiên nhà, nơi có rất ít ánh sáng, nhưng cây vẫn tươi tốt vì: - Hấp thụ chất thải: Cây thủy sinh hấp thụ các chất dinh dưỡng dư thừa trong nước, như nitrat và photphat, giúp giảm lượng chất thải độc hại và duy trì chất lượng nước tốt. - Sản xuất oxy: Qua quá trình quang hợp, cây thủy sinh giải phóng oxy vào nước, cung cấp nguồn oxy cần thiết cho cá và các sinh vật sống khác trong bể. - Giảm nồng độ CO₂: Cây thủy sinh hấp thụ CO ₂ trong nước, giúp giảm	1,0 0,5 0,5

	độ chua và ổn định độ pH của nước	
Câu 24 (0,5 điểm)	- Camera sẽ ghi biên số của ô tô và thời gian ô tô chạy qua vạch mốc số 1 và 2. - Máy tính nhỏ đặt trong camera tính tốc độ của ô tô khi chạy từ vạch mốc 1 sang vạch mốc 2. So sánh với tốc độ giới hạn của cung đường để phát hiện ô tô này có vượt quá tốc độ giới hạn không.	0,25 0,25
Câu 25 (1,0 điểm)	Tốc độ của ô tô trên đoạn OA là: $v = \frac{s}{t}$ $= \frac{180}{2}$ $= 90 \left(\frac{km}{h} \right)$	0,25 0,25 0,5

Lãnh đạo nhà trường duyệt



Bùi Thị Như Thảo

Tổ chuyên môn duyệt

Vũ Ngọc Thanh Hương

Giáo viên ra đề

Lê Thị Thủy

Vũ Ngọc Thanh Hương

MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN. LỚP 7
Năm học 2024 - 2025

- Thời gian làm bài: 90 phút. (Không kể thời gian giao đề)

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).

- Cấu trúc đề: - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm: Gồm 20 câu, mỗi câu 0,25 điểm. (Nhận biết 16 câu, thông hiểu 4 câu)

- Phần tự luận: 5,0 điểm: Gồm Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm.

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN. LỚP 7

TT	Nội dung. (Chương, chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ đánh giá								Tổng câu/ điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Phần mở đầu và Chương I: Nguyên tử. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.	Bài 1, bài 2 (2,5 điểm)	6 C1,2,3,4,6,7 (1,5 đ)		2 C5,C8 (0,5 đ)	1 C22 (0,5 đ)					7 câu (2,5 đ)
2	Chương III: Tốc độ.	Bài 8,9,10 (2,5 điểm)	3 C17, 18, 19 (0,75 đ)		1 C20 (0,25 đ)	1 C24 (0,5 đ)				1 C25 (1,0 đ)	6 câu (2,5 đ)
\3	Chương VII: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật.	Bài 21 đến bài 26 (5,0 điểm)	7 C9 đến C15 (1,75 đ)		1 C16 (0,25 đ)	1 C21 (1,0 đ)		1 C23 (2,0 đ)			10 câu (5,0 đ)
Tổng câu/ điểm			16 (4,0 đ)		4 (1,0 đ)	3 (2,0 đ)		1 (2,0 đ)		1 (1,0 đ)	25 câu (10,0 đ)
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I.
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN. LỚP 7

TT	Nội dung kiến thức (Chương/ chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Các câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết/ câu	Thông hiểu/câu	Vận dụng/ câu	Vận dụng cao/câu
1	Mở đầu:	Bài 1. Phương pháp và kỹ năng học tập môn Khoa học tự nhiên.	Nhận biết - Trình bày được một số phương pháp và kĩ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên Thông hiểu - Hiểu và thực hiện được các kĩ năng tiến trình: quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo. - Sử dụng được một số dụng cụ đo (trong nội dung môn Khoa học tự nhiên 7). Vận dụng: Làm được báo cáo, thuyết trình.	Câu 1, 2,3,4	Câu 5		
2	Chương I: Nguyên tử. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.	Bài 2: Nguyên tử.	Nhận biết – Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử). Thông hiểu – Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử).	Câu 6,7	Câu 8 Câu 22		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I.
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN. LỚP 7

TT	Nội dung kiến thức (Chương/ chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Các câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết/ câu	Thông hiểu/câu	Vận dụng/ câu	Vận dụng cao/câu
3	Chương III. Tốc độ.	Bài 7: Tốc độ chuyển động	Nhận biết - Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ. - Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng. Vận dụng: - Xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng. Tốc độ = quãng đường vật đi/thời gian đi quãng đường đó.	Câu 17, 18, 19			
		Bài 8: Đo tốc độ	Thông hiểu - Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây và công quang điện trong dụng cụ thực hành ở nhà trường; thiết bị “bắn tốc độ” trong kiểm tra tốc độ các phương tiện giao thông. Vận dụng - Dựa vào tranh ảnh (hoặc học liệu điện tử) thảo luận để nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.		Câu 20, 24		
		Bài 9: Đồ thị quãng đường – thời gian	Thông hiểu - Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng. Vận dụng cao - Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật)				Câu 25

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I.
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN. LỚP 7

TT	Nội dung kiến thức (Chương/ chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Các câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết/ câu	Thông hiểu/câu	Vận dụng/ câu	Vận dụng cao/câu
4	Chương VII: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật.	Bài 21: Khái quát trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng + Vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng	Nhận biết: – Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. – Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể.	Câu 9 Câu 10,11,12			
		Bài 23 đến 26: - Chuyển hoá năng lượng ở tế bào - Quang hợp - Hô hấp ở tế bào.	Nhận biết: – Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào. Thông hiểu: – Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (sơ đồ dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.	Câu 13,14,15	Câu 16 Câu 21		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I.
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN. LỚP 7

TT	Nội dung kiến thức (Chương/ chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Các câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết/ câu	Thông hiểu/câu	Vận dụng/ câu	Vận dụng cao/câu
			– Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật); Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ; thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải. Vận dụng: – Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. - Vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...). Vận dụng cao: – Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh. – Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt.			Câu 23	
Tổng				16	7	1	1